

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2015
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 10 NĂM 2015

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT
VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 10 năm 2015	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 10 năm 2015	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 10 năm 2015	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 10 năm 2015	14 - 43

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH một thành viên xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 10 năm 2015.

Khái quát về Công ty

Công ty TNHH một thành viên xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa theo Quyết định số 1724/QĐ.CT.UBT ngày 05 tháng 5 năm 2005 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600275107 (số cũ 4704000043), đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 6 năm 2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 27 tháng 3 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Theo Quyết định số 2484/QĐ-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2005 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai, phần vốn Nhà nước trong Công ty TNHH một thành viên xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa được chuyển giao cho Tổng Công ty công nghiệp thực phẩm Đồng Nai quản lý theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con.

Ngày 31 tháng 10 năm 2015, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3600275107 đăng ký thay đổi lần 08 về việc chuyển đổi loại hình từ Công ty TNHH một thành viên xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa thành Công ty cổ phần xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa có vốn điều lệ là 450.000.000.000 VND với số cổ phần được quyền chào bán là 13.323.000 cổ phần. Công ty chính thức chuyển sang công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 11 năm 2015.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
- Điện thoại : (061) 3 859 358
- Fax : (061) 3 859 917

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Xây dựng công trình đường bộ;
- Đại lý;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất máy sản xuất vật liệu xây dựng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dụng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Xây dựng nhà các loại;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Cho thuê xe cơ giới, xe bồn nước (kèm người điều khiển);
- Kinh doanh khu du lịch sinh thái.



**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG
VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA**
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng thành viên và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng thành viên và Ban điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng thành viên

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Thanh Tâm	Phụ trách HĐQT	30 tháng 8 năm 2013
Ông Hồ Ngọc Liệp	Thành viên	31 tháng 12 năm 2009
Ông Hứa Hồ Điệp	Thành viên	31 tháng 12 năm 2009
Ông Đàm Nhân Lý	Thành viên	31 tháng 12 năm 2009
Ông Huỳnh Kim Vũ	Thành viên	31 tháng 12 năm 2009

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Huỳnh Kim Vũ	Giám đốc	01 tháng 9 năm 2013
Ông Hồ Ngọc Liệp	Phó Giám đốc	09 tháng 7 năm 2010
Ông Hứa Hồ Điệp	Phó Giám đốc	09 tháng 7 năm 2010
Ông Nguyễn Xuân Việt	Phó Giám đốc	01 tháng 10 năm 2013
Ông Phạm Quốc Thái	Quyền Kế toán trưởng	01 tháng 9 năm 2013

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Huỳnh Kim Vũ (bổ nhiệm ngày 01 tháng 9 năm 2013).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 10 năm 2015 của Công ty.

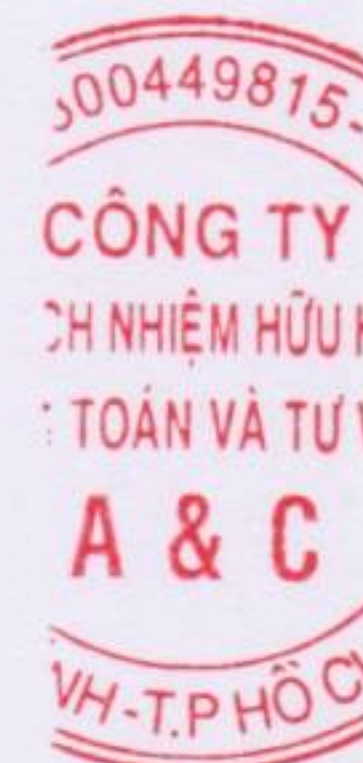
Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.



**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG
VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA**

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 10 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 10 năm 2015, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,



Huỳnh Kim Vũ
Giám đốc

Ngày 10 tháng 12 năm 2015





**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 15-13 Vo Nguyen Giap St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0892/2015/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CHỦ SỞ HỮU, HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU
XÂY DỰNG BIÊN HÒA**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH một thành viên xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 01 tháng 12 năm 2015, từ trang 07 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 10 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 10 năm 2015 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH một thành viên xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa tại ngày 31 tháng 10 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 10 năm 2015, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Vấn đề cần nhấn mạnh

Số đầu năm Báo cáo tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 10 năm 2015 của Công ty TNHH một thành viên xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa đã được điều chỉnh theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp số 752/1/TĐG-CT ngày 08 tháng 5 năm 2015 của Công ty cổ phần thẩm định giá Đồng Nai sau khi được nhận Quyết định phê duyệt giá trị định giá lại giá trị doanh nghiệp số 2077/QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2015 của Ủy Ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (xem thuyết minh VII.6).

Chi phí khấu hao từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 10 năm 2015 dựa trên nguyên giá tài sản cố định mới đã được ghi nhận theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp số 752/1/TĐG-CT ngày 08 tháng 5 năm 2015 của Công ty cổ phần thẩm định giá Đồng Nai và Quyết định phê duyệt giá trị định giá lại giá trị doanh nghiệp số 2077/QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2015 của Ủy Ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (xem thuyết minh số V.7).



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Bùi Văn Khá - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0085-2013-008-1

Võ Thành Công - Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1033-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 12 năm 2015

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG
VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA**

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 10 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 31 tháng 10 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		231.677.866.998	207.208.682.681
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	119.868.631.325	72.650.859.420
1. Tiền	111		47.648.631.325	72.650.859.420
2. Các khoản tương đương tiền	112		72.220.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		6.286.776.776	17.041.699.077
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	2.555.565.220	13.610.049.411
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	1.485.645.880	2.814.498.064
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	2.245.565.676	617.151.602
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		105.522.458.897	113.792.515.991
1. Hàng tồn kho	141	V.6	105.522.458.897	113.792.515.991
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	3.723.608.193
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	3.723.608.193
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG
VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA**

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 10 năm 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		441.033.110.882	451.018.995.268
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		25.505.166.484	21.844.090.030
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	25.505.166.484	21.844.090.030
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		184.252.277.304	200.033.279.856
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	184.252.277.304	200.033.279.856
- Nguyên giá	222		458.828.368.039	449.921.449.313
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(274.576.090.735)	(249.888.169.457)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		20.000.000.000	20.002.939.600
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.8	20.000.000.000	20.020.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.8	-	(17.060.400)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		211.275.667.094	209.138.685.782
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	211.275.667.094	209.138.685.782
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		672.710.977.880	658.227.677.949

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG
VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA**

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 10 năm 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		215.640.190.419	241.210.976.974
I. Nợ ngắn hạn	310		215.640.190.419	226.210.976.974
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10a	28.125.156.836	31.755.190.356
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	10.512.159.921	9.013.080.001
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	47.827.639.573	17.018.232.497
4. Phải trả người lao động	314	V.13	21.267.862.567	27.333.675.419
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	3.534.945.455	145.454.545
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15a	46.308.726.867	62.853.811.349
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16a	36.945.184.257	25.759.894.314
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	21.118.514.943	52.331.638.493
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	15.000.000.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16b	-	15.000.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG
VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA**

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 10 năm 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		457.070.787.461	417.016.700.975
I. Vốn chủ sở hữu	410		457.070.787.461	417.016.700.975
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.18a	450.000.000.000	378.347.889.041
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		450.000.000.000	378.347.889.041
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		7.070.787.461	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	V.18b	-	38.668.811.934
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		-	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		672.710.977.880	658.227.677.949

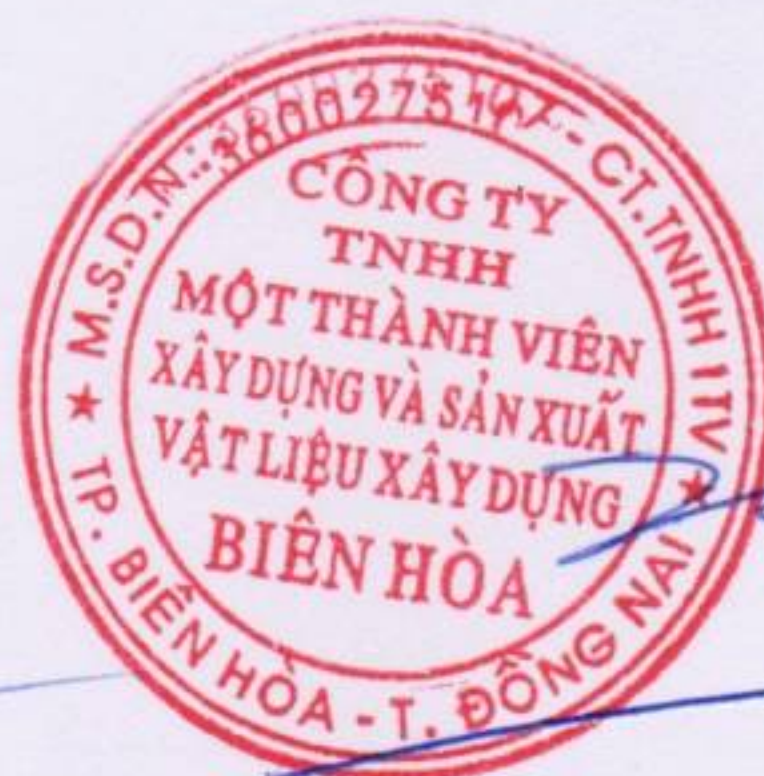
TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 12 năm 2015

Am

Đoàn Đặng Quỳnh Anh
Người lập biểu

lae

Phạm Quốc Thái
Q. Kế toán trưởng



Huỳnh Kim Vũ
Giám đốc

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG
VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA**

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 10 năm 2015


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

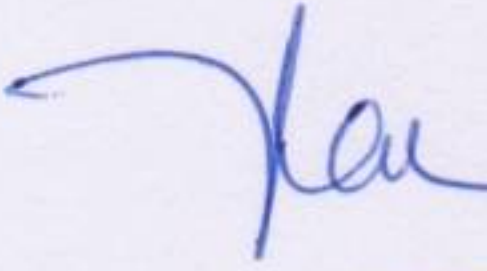
(Dạng đầy đủ)


Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 10 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	728.112.826.768	684.752.342.825
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	13.944.655	14.172.725
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		728.098.882.113	684.738.170.100
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	591.449.636.664	570.462.904.624
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		136.649.245.449	114.275.265.476
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	884.257.563	418.661.886
7. Chi phí tài chính	22		1.878.581.940	3.206.224.700
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.878.581.940	3.189.164.300
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	11.251.210.241	9.042.617.424
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	35.892.924.073	27.983.295.628
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		88.510.786.758	74.461.789.610
11. Thu nhập khác	31	VI.7	3.726.918.551	26.848.060.369
12. Chi phí khác	32	VI.8	346.431.377	5.273.282.922
13. Lợi nhuận khác	40		3.380.487.174	21.574.777.447
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		91.891.273.932	96.036.567.057
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.12	20.239.688.831	21.128.044.753
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		71.651.585.101	74.908.522.304
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-


Đoàn Đặng Quỳnh Anh
Người lập biểu


Phạm Quốc Thái
Q. Kế toán trưởng


Huỳnh Kim Vũ
Giám đốc



TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 12 năm 2015

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG
VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA**

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 10 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 10 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		91.891.273.932	96.036.567.057
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.7	24.974.694.272	14.999.924.764
- Các khoản dự phòng	03		-	17.060.400
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4; VI.8	(488.137.583)	(7.801.924.843)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	1.878.581.940	3.189.164.300
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		118.256.412.561	106.440.791.678
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		10.817.454.040	(14.151.992.515)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		8.779.875.760	48.311.219.352
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(85.863.286.231)	37.597.631.255
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2.136.981.312)	(22.283.152.845)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.878.581.940)	(3.189.164.300)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.12	25.468.950.146	(19.596.313.123)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.17	(91.921.826.279)	(4.788.475.015)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(18.477.983.255)	128.340.544.487
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.7	(9.703.510.386)	(21.136.194.233)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.8	1.940.909	9.099.058.504
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	V.8	2.939.600	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.4	486.196.674	212.874.561
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(9.212.433.203)	(11.824.261.168)

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG
VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA**

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH


Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 10 năm 2015

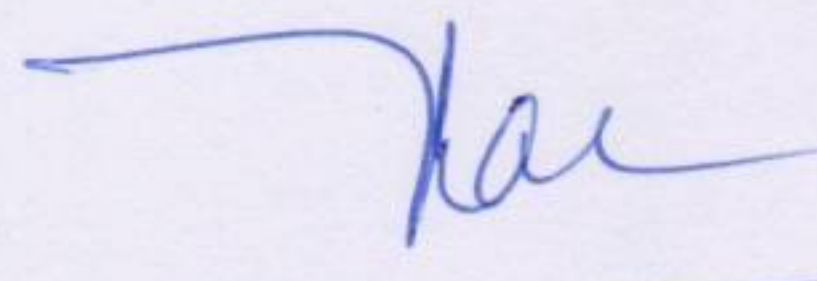
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		78.722.898.420	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.16a;V.16b	79.243.055.627	17.295.309.724
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.16a;V.16b	(83.057.765.684)	(101.656.773.571)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		74.908.188.363	(84.361.463.847)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		47.217.771.905	32.154.819.472
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	72.650.859.420	35.223.518.835
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	119.868.631.325	67.378.338.307

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 12 năm 2015




Đoàn Đặng Quỳnh Anh
Người lập biểu


Phạm Quốc Thái
Q. Kế toán trưởng


Huỳnh Kim Vũ
Giám đốc

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 10 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 10 năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH một thành viên xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất kinh doanh các loại vật liệu xây dựng: đá xây dựng, cát xây dựng, đất sét nguyên liệu sản xuất gạch ngói, đất sang lấp mặt bằng, đất cấp phối giao thông; Xây dựng các công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp; Đại lý tiêu thụ các loại vật liệu xây dựng, trang trí nội thất cao cấp, phụ tùng và thiết bị cơ giới; Sản xuất bê tông nhựa nóng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm, Công ty đã thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa theo Quyết định số 2220/QĐ-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2014 của Chủ tịch Ủy Ban nhân dân tỉnh Đồng Nai. Giá trị thực tế của doanh nghiệp để cổ phần hóa tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty là 658.227.677.949 VND theo Quyết định số 2077/QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2015 của Ủy Ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Theo đó, giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại Công ty tăng từ 367.000.000.000 VND lên 417.016.700.975 VND. Các số liệu do xác định lại giá trị doanh nghiệp đều đã được thực hiện điều chỉnh hồi tố lại số liệu đầu năm trong Báo cáo tài chính.

Ngày 12 tháng 8 năm 2015, Ủy Ban nhân dân tỉnh Đồng Nai đã ra Quyết định số 2330/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH một thành viên xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa thành công ty cổ phần. Theo đó, số vốn điều lệ tương ứng với cổ phần phát hành lần đầu là 450.000.000.000 VND tương đương 45.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND; trong đó cổ phần nhà nước là 31.677.000 cổ phần, chiếm 70,393% vốn điều lệ.

6. Cấu trúc Công ty

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp công trình giao thông và xây dựng	KP4, đường Bùi Hữu Nghĩa, phường Tân Vạn, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Xí nghiệp kỹ thuật sửa chữa	Đường Bùi Hữu Nghĩa, ấp Tân Mỹ, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Xí nghiệp khai thác đá	Ấp Bình Hóa, xã Hóa An, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 10 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp khai thác đá Tân Cang	Đường Bùi Hữu Nghĩa, ấp Tân Mỹ, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Xí nghiệp khai thác đá Soklu	Ấp Nguyễn Huệ, xã Quang Trung, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Xí nghiệp vận tải và cơ giới	K4/79C, đường Nguyễn Tri Phương, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Trung tâm dịch vụ xây dựng và vật liệu xây dựng	Số 1, đường Nguyễn Ái Quốc, phường Quang Vinh, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Các địa điểm kinh doanh:

Tên địa điểm kinh doanh	Địa chỉ
Bến thủy nội địa Thanh Phú	Tổ 7, ấp Ông Hoàng, xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Bến thủy nội địa Thiện Tân	Tổ 1, ấp 6-7, xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Cảng vật liệu xây dựng Hóa An (Bến Phù Sa)	Tổ 24, ấp 2, xã Tân Hạnh, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh do vậy các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 10 năm 2015 so sánh được với số liệu tương ứng cùng kỳ năm trước.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 769 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 773 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính này là năm tài chính cuối cùng Công ty hoạt động theo loại hình Công ty TNHH một thành viên, từ ngày 01 tháng 11 năm 2015 Công ty hoạt động theo loại hình Công ty cổ phần.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 10 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 10 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 10 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 10 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Chi phí đền bù, thăm dò mỏ đá

Chi phí đền bù, thăm dò mỏ đá bao gồm các chi phí phát sinh cho việc khai thác, mở rộng mỏ đá được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp dựa trên sản lượng khai thác thực tế trong năm và Chi phí thuê mặt bằng phân bổ theo thời hạn thuê.

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty TNHH một thành viên xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa. Lợi thế kinh doanh được phân bổ trong 03 năm kể từ khi công ty cổ phần chính thức đi vào hoạt động.

7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	09 - 50
Máy móc và thiết bị	06 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	08
Tài sản cố định hữu hình khác	10

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 10 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

10. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty chỉ có vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư.

11. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Hội đồng thành viên phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Lợi nhuận được ghi nhận là nợ phải trả khi được Hội đồng thành viên phê duyệt.

12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 10 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

13. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

14. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu chỉ có hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 10 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Trường hợp sản phẩm đã tiêu thụ từ các năm trước, đến kỳ này mới phát sinh trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ này.
- Nếu trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ sau.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 10 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

20. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

15-C.2
TY
HỮU HẠN
TƯ VẤN
C
CHÍNH

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 10 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	527.325.000	480.109.500
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	47.121.306.325	72.170.749.920
Các khoản tương đương tiền	72.220.000.000	-
<i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng</i>		
Cộng	<u>119.868.631.325</u>	<u>72.650.859.420</u>

Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn cuối kỳ bao gồm khoản tiền gửi tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Đồng Nai là 220.000.000 VND đã cầm cố để bảo lãnh cho hợp đồng xây dựng số 39/HĐ-XD ngày 21 tháng 6 năm 2010.

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	2.555.565.220	13.610.049.411
Công ty TNHH một thành viên đầu tư phát triển Bửu Long	-	3.214.093.321
Công ty TNHH thương mại dịch vụ Hùng Tài	321.288.189	150.405.185
Công ty TNHH một thành viên đầu tư xây dựng Hưng Hoàn Long	394.360.825	405.072.254
Các khách hàng khác	1.839.916.206	9.840.478.651
Cộng	<u>2.555.565.220</u>	<u>13.610.049.411</u>

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG
VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA**

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 10 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	1.485.645.880	2.814.498.064
Công ty cổ phần tư vấn Nam Khang	1.279.385.880	880.667.980
Công ty cổ phần địa chất và môi trường Miền Đông	121.800.000	1.848.330.084
Các nhà cung cấp khác	84.460.000	85.500.000
Cộng	1.485.645.880	2.814.498.064

4. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

4a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	1.298.000.975	-	227.400.000	-
Tổng Công ty công nghiệp thực phẩm Đồng Nai - Phải thu về cổ phần hóa	1.298.000.975	-	227.400.000	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	947.564.701	-	389.751.602	-
Tạm ứng	454.000.000	-	311.081.790	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	493.564.701	-	78.669.812	-
Cộng	2.245.565.676	-	617.151.602	-

4b. Phải thu dài hạn khác

Khoản ký quỹ dài hạn.

Không có số dư ký quỹ dài hạn của các bên liên quan.

5. Nợ xấu

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các bên liên quan</i>	-	-	-	-	-	-
<i>Các tổ chức và cá nhân</i>		189.299.996	189.299.996		-	-
<i>Phải thu khác</i>	dưới 06 tháng	189.299.996	189.299.996		-	-
Cộng		189.299.996	189.299.996		-	-

6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	92.860.377.040	-	105.891.696.927	-
Công cụ, dụng cụ	1.104.135.283	-	1.165.723.803	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.187.334.943	-	341.458.400	-
Thành phẩm	6.207.379.724	-	4.112.683.620	-
Hàng hóa	2.163.231.907	-	2.280.953.241	-
Cộng	105.522.458.897	-	113.792.515.991	-

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 10 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	50.791.489.171	333.677.585.648	61.524.185.885	3.813.188.609	115.000.000	449.921.449.313
Mua trong kỳ	436.370.711	9.267.139.675	-	-	-	9.703.510.386
Chuyển sang vật tư sử dụng	-	(796.591.660)	-	-	-	(796.591.660)
Số cuối kỳ	51.227.859.882	342.148.133.663	61.524.185.885	3.813.188.609	115.000.000	458.828.368.039
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	382.947.746	-	-	-	382.947.746
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	18.504.252.906	190.088.932.336	39.412.284.644	1.790.699.571	92.000.000	249.888.169.457
Khấu hao trong kỳ (*)	2.455.802.369	19.441.370.193	2.768.357.700	309.164.010	-	24.974.694.272
Chuyển sang vật tư sử dụng	-	(286.772.994)	-	-	-	(286.772.994)
Số cuối kỳ	20.960.055.275	209.243.529.535	42.180.642.344	2.099.863.581	92.000.000	274.576.090.735
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	32.287.236.265	143.588.653.312	22.111.901.241	2.022.489.038	23.000.000	200.033.279.856
Số cuối kỳ	30.267.804.607	132.904.604.128	19.343.543.541	1.713.325.028	23.000.000	184.252.277.304
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 85.304.605.687 VND và 32.896.982.687 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai, Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai và Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai.

- (*) Công ty trích khấu hao tài sản cố định hữu hình theo nguyên giá mới sau khi đã điều chỉnh giá trị do đánh giá lại theo Quyết định phê duyệt giá trị định giá lại giá trị doanh nghiệp số 2077/QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2015 của Ủy Ban nhân dân tỉnh Đồng Nai. Việc xác định lại mức trích khấu hao của các tài sản này làm cho chi phí khấu hao tài sản cố định hữu hình kỳ này tăng thêm là 6,8 tỷ so với mức trích khấu hao trước điều chỉnh theo nguyên giá mới.

Công ty không trích khấu hao đối với các tài sản cố định hữu hình không còn giá trị còn lại theo Báo cáo kiểm toán năm trước nhưng được đánh giá tăng giá trị còn lại theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp.

Ngoài ra trong kỳ Công ty đã thay đổi thời gian khấu hao một số tài sản cố định hữu hình làm cho phí khấu hao trong kỳ tăng thêm là 1.954.869.438 VND.

8. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG
VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA**

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 10 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8a. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	20.000.000.000	-	-	20.020.000.000	(17.060.400)	2.939.600
Đầu tư cổ phiếu Công ty cổ phần bê tông Biên Hòa	-	-	-	20.000.000	(17.060.400)	2.939.600
Đầu tư vào Công ty cổ phần phát triển đô thị Tam Phước	20.000.000.000	-	-	20.000.000.000	-	-
Cộng	20.000.000.000	-	-	20.020.000.000	(17.060.400)	2.939.600

Khoản đầu tư vào Công ty cổ phần phát triển đô thị Tam Phước không xác định được giá trị hợp lý do không có giá giao dịch.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	17.060.400	-
Trích lập dự phòng bổ sung	-	17.060.400
Chuyển nhượng cổ phiếu trong kỳ	(17.060.400)	-
Số cuối kỳ	-	17.060.400

9. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí đền bù mỏ Thanh Phú	49.486.215.390	50.502.546.070
Chi phí đền bù mỏ Soklu 2, Soklu 5	9.354.248.974	9.950.364.976
Chi phí đền bù mỏ Tân Cang	77.816.401.807	73.976.757.349
Chi phí lập đề án thăm dò mỏ đá Đồi Chùa 1	42.831.395.029	42.831.395.029
Chi phí bồi thường mỏ Thiện Tân 2	17.354.420.587	17.807.137.056
Chi phí lập đề án, thăm dò, bồi thường đất mỏ đá Đồi Chùa 2	2.279.247.710	2.279.247.710
Lợi thế kinh doanh	11.791.237.592	11.791.237.592
Chi phí trả trước dài hạn khác	362.500.005	-
Cộng	211.275.667.094	209.138.685.782

10. Phải trả người bán ngắn hạn

10a. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	-	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	28.125.156.836	31.755.190.356
Chi nhánh Công ty TNHH một thành viên công nghiệp hóa chất mỏ Nam Bộ - Micco	3.051.601.916	2.067.329.200
Công ty TNHH Nam Phong	4.163.413.760	5.289.981.290
Các nhà cung cấp khác	20.910.141.160	24.397.879.866
Cộng	28.125.156.836	31.755.190.356

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG
VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA**

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 10 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10b. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>10.512.159.921</i>	<i>9.013.080.001</i>
Khách hàng mua đá	8.216.230.204	6.694.167.790
Khách hàng xây dựng	-	542.533.000
Khách hàng mua hàng hoá	2.295.929.717	1.776.379.211
Cộng	10.512.159.921	9.013.080.001

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	4.141.999.489	-	39.582.643.057	(38.814.996.480)	4.909.646.066	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.208.645.397	-	20.239.688.831	(25.468.950.146)	1.979.384.082	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	(108.905.766)	10.665.210.908	(818.906.053)	9.737.399.089	-
Thuế tài nguyên	3.531.906.221	-	32.279.707.742	(32.143.344.633)	3.668.269.330	-
Tiền thuê đất	-	(3.614.702.427)	6.152.220.674	(2.534.018.266)	3.499.981	-
Các loại thuế khác	-	-	9.000.000	(9.000.000)	-	-
Thuế đất phi nông nghiệp	-	-	133.779.236	(102.905.028)	30.874.208	-
Phí bảo vệ môi trường	2.135.681.390	-	19.218.688.240	(19.167.053.150)	2.187.316.480	-
Phí cấp quyền khai thác	-	-	25.311.250.337	-	25.311.250.337	-
Cộng	17.018.232.497	(3.723.608.193)	153.592.189.025	(119.059.173.756)	47.827.639.573	-

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Nước	05%
- Sản phẩm khác	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	91.891.273.932	96.036.567.057
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	107.311.663	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	91.998.585.595	96.036.567.057
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	20.239.688.831	21.128.044.753

15-
TY
HUUH
TUV
C
100

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 10 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các qui định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những qui định này thay đổi theo từng thời kỳ và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác với giá tính thuế và thuế suất như sau:

	Giá tính thuế (VND/m ³)	Thuế suất
- Đất san lấp	21.000	4%
- Đất làm gạch trước ngày 13 tháng 7 năm 2014	90.000	7%
- Đất làm gạch từ ngày 13 tháng 7 năm 2014	70.000	10%
- Nước sinh hoạt	3.000	3%
- Nước sản xuất trước ngày 13 tháng 7 năm 2014	6.100	3%
- Nước sản xuất từ ngày 13 tháng 7 năm 2014	6.100	5%
- Đá nguyên liệu trước ngày 13 tháng 7 năm 2014	125.000	6%
- Đá nguyên liệu từ ngày 13 tháng 7 năm 2014	85.000	7%

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất nộp theo đơn giá tạm tính của Nghị định 121/2010/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.

Phí cấp quyền khai thác

Công ty đã nộp giá trị thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với các mỏ đá xây dựng theo Quyết định của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Theo Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản của các tổ chức, cá nhân được cấp Giấy phép khai thác không thông qua đấu giá quyền khai thác khoáng sản, các doanh nghiệp khai thác khoáng sản phải nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản từ tháng 7 năm 2011.

Hiện tại theo Chỉ thị 723/TTg-KTN ngày 21 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc tháo gỡ một số vấn đề vướng mắc trong lĩnh vực địa chất khoáng sản, Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét việc hồi tố thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trong thời gian từ ngày 01 tháng 7 năm 2011 đến 20 tháng 01 năm 2014, trong khoảng thời gian Ủy ban thường vụ Quốc hội chưa có ý kiến, đồng ý chưa thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với trữ lượng khai thác từ ngày 01 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013. Do đó Công ty chưa ghi nhận phí cấp quyền khai thác trong khoảng thời gian này.

Ngoài ra, căn cứ Biên bản làm việc ngày 22 tháng 12 năm 2014 về việc thẩm định tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tạm nộp năm 2014 tại các mỏ của Công ty với các Sở và Ban ngành, tổng mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản của Công ty còn phải nộp trong tương lai từ năm 2014 trở đi là 566.460.054.497 VND.

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG
VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA**

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 10 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phí bảo vệ môi trường

Công ty phải nộp phí bảo vệ môi trường với đơn giá như sau:

	(VND/m ³)	(VND/tấn)
- Đất gạch	2.000	-
- Đất phún	1.500	-
- Đá nguyên liệu	-	2000

Thuế nhà đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

13. Phải trả người lao động

Quỹ lương thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư 18/2013/TT-BLĐTBXH ngày 09 tháng 9 năm 2013 của Bộ Lao động – Thương Binh và Xã hội về hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

Quỹ lương viên chức quản lý thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư 19/2013/TT-BLĐTBXH ngày 09 tháng 09 năm 2013 của Bộ Lao động – Thương Binh và Xã hội về hướng dẫn thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc hoặc Phó Giám đốc, Kế toán trưởng trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

Số dư cuối năm là quỹ tiền lương còn phải trả người lao động.

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các tổ chức khác</i>	3.534.545.455	145.454.545
Chi phí duy tu sửa chữa đường	3.454.545.455	-
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	80.000.000	145.454.545
Cộng	3.534.545.455	145.454.545

15. Phải trả ngắn hạn khác

15a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	40.786.710.372	62.482.510.592
Tổng Công ty công nghiệp thực phẩm Đồng Nai	40.786.710.372	62.482.510.592
- Phải trả về cổ phần hóa	1.315.732.947	-
- Lợi nhuận và các quỹ phải nộp	39.470.977.425	62.482.510.592
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	5.522.016.495	371.300.757
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	46.926.069
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	288.304.696	(174.330.632)
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	5.233.711.799	498.705.320
Cộng	46.308.726.867	62.853.811.349

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG
VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA**

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 10 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15b. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn

16a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	36.945.184.257	36.945.184.257	25.759.894.314	25.759.894.314
Vay ngắn hạn ngân hàng	35.745.184.257	35.745.184.257	24.759.894.314	24.759.894.314
Vay Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam ⁽ⁱ⁾	30.345.831.496	30.345.831.496	15.486.456.184	15.486.456.184
Vay Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam ⁽ⁱⁱ⁾	5.399.352.761	5.399.352.761	9.273.438.130	9.273.438.130
Vay ngắn hạn các cá nhân				
Vay Bà Nguyễn Thị Tư ⁽ⁱⁱⁱ⁾	800.000.000	800.000.000	800.000.000	800.000.000
Vay Bà Huỳnh Huy Anh Thư ^(iv)	400.000.000	400.000.000	200.000.000	200.000.000
Cộng	36.945.184.257	36.945.184.257	25.759.894.314	25.759.894.314

(i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 6,5%/năm, thời hạn vay 6 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định là phương tiện vận tải, truyền dẫn.

(ii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 6,6%/năm, thời hạn vay 6 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp bằng 03 chiếc xe xúc volvo và quyền khai thác mỏ đá Tân Cang tại xã Phước Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

(iii) Khoản vay Bà Nguyễn Thị Tư để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất 0,8%/tháng, thời hạn vay 12 tháng, gia hạn hàng năm.

(iv) Khoản vay Bà Huỳnh Huy Anh Thư để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất 0,8%/tháng, thời hạn vay 12 tháng, gia hạn hàng năm.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	24.759.894.314	79.043.055.627	(68.057.765.684)	35.745.184.257
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	1.000.000.000	200.000.000	-	1.200.000.000
Cộng	25.759.894.314	79.243.055.627	(68.057.765.684)	36.945.184.257

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG
VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA**

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 10 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức khác	-	-	15.000.000.000	15.000.000.000
Vay Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai	-	-	15.000.000.000	15.000.000.000
Cộng	-	-	15.000.000.000	15.000.000.000

Chi tiết phát sinh của khoản vay Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai như sau:

	Kỳ này
Số đầu năm	15.000.000.000
Số tiền vay đã trả	(15.000.000.000)
Số cuối kỳ	-

16c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	33.816.407.369	14.534.884.380	(34.290.343.879)	14.060.947.870
Quỹ phúc lợi	18.229.269.347	7.267.442.190	(18.677.670.466)	6.819.041.071
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	285.961.777	237.564.225	(285.000.000)	238.526.002
Cộng	52.331.638.493	22.039.890.795	(53.253.014.345)	21.118.514.943

18. Vốn chủ sở hữu

18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	367.000.000.000	-	35.363.742.370	45.044.186.190	-	447.407.928.560
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	-	74.908.522.304	74.908.522.304
Số dư cuối kỳ trước	367.000.000.000	-	35.363.742.370	45.044.186.190	74.908.522.304	522.316.450.864
Số dư đầu năm nay	378.347.889.041	-	38.668.811.934	-	-	417.016.700.975
Tăng vốn từ chênh lệch đánh giá lại tài sản	38.668.811.934	-	(38.668.811.934)	-	-	-
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	32.983.299.025	-	-	-	-	32.983.299.025
Thặng dư để lại cho doanh nghiệp theo tỷ lệ tương ứng với số cổ phần phát hành thêm (*)	-	7.070.787.461	-	-	-	7.070.787.461
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	71.651.585.101	71.651.585.101

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG
VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA**

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 10 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Trích nộp lợi nhuận và các quỹ về Công ty mẹ	-	-	-	-	(49.611.694.306)	(49.611.694.306)
Trích lập các quỹ trong kỳ	-	-	-	-	(22.039.890.795)	(22.039.890.795)
Số dư cuối kỳ này	<u>450.000.000.000</u>	<u>7.070.787.461</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>457.070.787.461</u>

Theo Quyết định số 2330/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2015 của Ủy Ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH một thành viên xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa thành công ty cổ phần. Theo đó, cổ phần phát hành lần đầu là 450.000.000.000 VND tương đương 45.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

- (*) Thặng dư vốn cổ phần để lại cho công ty cổ phần theo tỷ lệ tương ứng với số cổ phần phát hành thêm theo hướng dẫn của Thông tư 196/2011/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính và Công văn 212/TCTCNTP-BCĐ ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Tổng Công ty công nghiệp thực phẩm.

18b. Chênh lệch đánh giá lại tài sản

Công ty TNHH một thành viên xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa thực hiện đánh giá lại tài sản phục vụ cho việc cổ phần hóa theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp số 752/1/TĐG-CT ngày 08 tháng 5 năm 2015 của Công ty cổ phần thẩm định giá Đồng Nai. Số liệu đánh giá lại tài sản đã được phê duyệt theo Quyết định số 2077/QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2015 của Ủy Ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	-	1.165.664.683
Tài sản cố định hữu hình	-	41.514.342.183
Chi phí trả trước dài hạn	-	(4.011.194.932)
Cộng	<u>-</u>	<u>38.668.811.934</u>

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

19a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	6.878.266.588	6.119.683.600
Trên 1 năm đến 5 năm	23.232.767.316	20.650.039.628
Trên 5 năm	40.422.631.589	39.954.043.908
Cộng	<u>70.533.665.493</u>	<u>66.723.767.137</u>

Công ty thuê đất dưới hình thức thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có hiệu lực trong khoảng từ năm 2014 đến năm 2047 và có khả năng được gia hạn thêm. Chi phí thuê được điều chỉnh tăng lên hàng năm theo giá thuê trên thị trường.

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG
VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA**

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 10 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19b. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Nguyên nhân xóa sổ
	Nguyên tệ	VND	Nguyên tệ	VND	
Công nợ từ năm 2003		326.041.757		326.041.757	Không có khả năng thu hồi
Công nợ từ năm 2004		254.101.390		254.101.390	Không có khả năng thu hồi
Công nợ từ năm 2005		274.176.858		274.176.858	Không có khả năng thu hồi
Công nợ từ năm 2007		40.702.363		40.702.363	Không có khả năng thu hồi
Công nợ từ năm 2008		510.212.987		510.212.987	Không có khả năng thu hồi
Công nợ từ năm 2014		7.174.615.124		7.174.615.124	Không có khả năng thu hồi
Cộng		<u>8.579.850.479</u>		<u>8.579.850.479</u>	

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán đất, đá	563.039.403.056	535.343.870.707
Doanh thu xây dựng	3.928.795.455	2.279.533.653
Doanh thu bán hàng hóa	121.411.303.659	104.756.843.250
Doanh thu khác	39.733.324.598	42.372.095.215
Cộng	<u>728.112.826.768</u>	<u>684.752.342.825</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản hàng bán bị trả lại.

3. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán đất, đá	447.825.048.683	435.691.303.937
Giá vốn xây dựng	5.595.649.059	2.279.533.653
Giá vốn bán hàng hóa	109.031.829.209	95.482.067.662
Giá vốn khác	28.997.109.713	37.009.999.372
Cộng	<u>591.449.636.664</u>	<u>570.462.904.624</u>

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG
VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA**

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 10 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	486.196.674	209.724.561
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	356.782.489	198.469.325
Lãi tiền cho vay	-	3.150.000
Lãi ký quỹ bảo vệ môi trường	41.278.000	1.018.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	400	6.300.000
Cộng	884.257.563	418.661.886

5. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	3.111.750.752	2.971.624.773
Chi phí vật liệu, bao bì, công cụ, đồ dùng	1.031.220.580	1.222.860.696
Chi phí khấu hao tài sản cố định	372.900.929	109.759.690
Chi phí vận chuyển, gia công	4.722.168.156	3.232.933.990
Các chi phí khác	2.013.169.824	1.505.438.275
Cộng	11.251.210.241	9.042.617.424

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	22.312.238.390	19.353.977.481
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	1.944.245.218	2.311.262.458
Chi phí khấu hao tài sản cố định	413.372.493	419.739.070
Chi phí sửa chữa, duy tu đường	3.454.545.455	-
Chi phí điện, nước, điện thoại	2.235.680.658	1.232.107.601
Chi phí công tác	1.818.484.942	2.112.877.978
Các chi phí khác	3.714.356.917	2.553.331.040
Cộng	35.892.924.073	27.983.295.628

7. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định hữu hình	1.940.909	9.099.058.504
Thu nhập từ hoàn nhập giá trị tài sản đánh giá lại	-	9.985.452.657
Tiền thuê đất được miễn giảm	-	5.910.426.653
Thu nhập từ bán phế liệu	1.936.960.072	765.953.256
Thu nhập sửa chữa, duy tu đường	1.330.030.904	710.306.990
Thừa kiểm kê	135.385.064	-
Thu nhập khác	322.601.602	376.862.309
Cộng	3.726.918.551	26.848.060.369

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 10 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định hữu hình	-	1.510.008.222
Thanh lý vật tư, nguyên liệu	233.086.000	3.626.573.735
Thiếu kiểm kê	68.397.921	-
Chi phí khác	44.947.456	136.700.965
Cộng	346.431.377	5.273.282.922

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	119.452.623.330	129.701.935.352
Chi phí nhân công	110.798.421.584	105.115.106.846
Chi phí khấu hao tài sản cố định	24.974.743.840	14.999.924.764
Chi phí dịch vụ mua ngoài	285.840.595.116	235.117.628.675
Chi phí khác	55.893.117.014	47.020.520.502
Cộng	596.959.500.884	531.955.116.139

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: Hội đồng thành viên và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương với tổng tiền lương trong kỳ là 1.900.513.800 VND (cùng kỳ năm trước là 1.986.000.000 VND).

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 10 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Bên liên quan khác với Công ty chỉ có Tổng Công ty công nghiệp thực phẩm Đồng Nai là công ty mẹ.

Các nghiệp vụ phát sinh trọng yếu trong kỳ giữa Công ty với Tổng Công ty công nghiệp thực phẩm Đồng Nai như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền bán cổ phần phải nộp về Tổng công ty	231.058.959.443	-
Lợi nhuận và các quỹ nộp về Tổng công ty	49.611.694.306	-
Tiền lãi	-	2.352.083.333

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với Tổng Công ty công nghiệp thực phẩm Đồng Nai được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.15a.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

6. Số liệu so sánh

6a. Áp dụng chế độ kế toán mới

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh theo qui định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

6b. Các điều chỉnh theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp

Công ty đã trình bày lại số liệu đầu năm số liệu sổ sách kế toán theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp số 752/1/TĐG-CT ngày 08 tháng 5 năm 2015 của Công ty cổ phần thẩm định giá Đồng Nai sau khi được nhận Quyết định phê duyệt giá trị định giá lại giá trị doanh nghiệp số 2077/QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2015 của Ủy Ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

6c. Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới và các điều chỉnh theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp

Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới và các điều chỉnh theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Bảng cân đối kế toán					
Phải thu ngắn hạn khác	136	306.069.812	311.081.790	617.151.602	(i)
Hàng tồn kho	141	112.626.851.308	1.165.664.683	113.792.515.991	(ii)
Tài sản ngắn hạn khác	155	311.081.790	(311.081.790)	-	(i)
Phải thu dài hạn khác	218		21.844.090.030	21.844.090.030	(iii)
Tài sản cố định hữu hình	221	159.234.529.081	40.798.750.775	200.033.279.856	(iv)
Nguyên giá	222	447.594.358.639	2.327.090.674	449.921.449.313	
Giá trị hao mòn lũy kế	223		38.471.660.101	(249.888.169.457)	

004
ĐƠN
HÀNH
TOÁN
A
H.T.

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG
VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA**

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 10 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh (288.359.829.558)	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Chi phí trả trước dài hạn	261	201.358.643.122	7.780.042.660	209.138.685.782	(v)
Tài sản dài hạn khác	268	21.844.090.030	(21.844.090.030)	-	(iii)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16.944.386.235	73.846.262	17.018.232.497	(vi)
Phải trả ngắn hạn khác	319	371.300.757	62.482.510.592	62.853.811.349	(vii)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	52.603.881.350	(272.242.857)	52.331.638.493	(viii)
Vốn góp của chủ sở hữu	411	(367.321.347.386)	11.026.541.655	378.347.889.041	(ix)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		38.668.811.934	38.668.811.934	(x)
Quỹ đầu tư phát triển	418	27.044.285.692	(27.044.285.692)	-	(xi)
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	35.190.723.776	(35.190.723.776)	-	(xii)
(i) Phải thu ngắn hạn khác và Tài sản ngắn hạn khác					
Điều chỉnh các khoản ký quỹ ngắn hạn và tạm ứng đang trình bày ở chỉ tiêu "Tài sản ngắn hạn khác" sang chỉ tiêu "Phải thu ngắn hạn khác" với số tiền 311.081.790 VND.					
(ii) Hàng tồn kho					
Tăng giá trị còn lại của công cụ dụng cụ theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp số 752/1/TĐG-CT ngày 08 tháng 5 năm 2015 của Công ty cổ phần thẩm định giá Đồng Nai và Quyết định phê duyệt giá trị định giá lại giá trị doanh nghiệp số 2077/QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2015 của Ủy Ban nhân dân tỉnh Đồng Nai với số tiền 1.165.664.683 VND.					
(iii) Phải thu dài hạn khác và Tài sản dài hạn khác					
Điều chỉnh các khoản ký quỹ dài hạn đang trình bày ở chỉ tiêu "Tài sản dài hạn khác" sang chỉ tiêu "Phải thu dài hạn khác" với số tiền 21.844.090.030 VND.					
(iv) Tài sản cố định					
Các điều chỉnh nguyên giá tài sản cố định bao gồm:					
Tăng do xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa				6.950.458.791	
Giảm tài sản cố định không cần dùng ngoại trừ giá trị doanh nghiệp				(3.378.026.707)	
Giảm tài sản cố định hình thành từ quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định giá trị doanh nghiệp				(1.245.341.410)	
Cộng				2.327.090.674	
Các điều chỉnh khấu hao lũy kế của tài sản cố định bao gồm:					
Giảm do xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa				34.563.883.392	
Giảm tài sản cố định không cần dùng ngoại trừ giá trị doanh nghiệp				2.934.678.156	
Giảm tài sản cố định hình thành từ quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định giá trị doanh nghiệp				973.098.553	
Cộng				38.471.660.101	
(v) Chi phí trả trước dài hạn					
Các điều chỉnh bao gồm:					
Điều chỉnh giảm chi phí lập đề án thăm dò tại mỏ Đồi Chùa 1 theo Quyết định số 2077/QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2015 của Ủy Ban nhân dân tỉnh Đồng Nai				(4.011.194.932)	
Ghi nhận lợi thế kinh doanh theo theo Quyết định số 2077/QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2015 của Ủy Ban nhân dân tỉnh Đồng Nai				11.791.237.592	
Cộng				7.780.042.660	

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG
VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA**

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 10 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(vi) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Các điều chỉnh bao gồm:

Ghi nhận bổ sung thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Quyết định số 2077/QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2015 của Ủy Ban nhân dân tỉnh Đồng Nai

65.772.482

Ghi nhận bổ sung phí bảo vệ môi trường phải nộp theo Quyết định số 2077/QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2015 của Ủy Ban nhân dân tỉnh Đồng Nai

8.073.780

Cộng

73.846.262

(vii) Phải trả ngắn hạn khác

Các điều chỉnh liên quan đến việc trích nộp các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối về cho Công ty mẹ theo hướng dẫn Thông tư 127/2014/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2014 khi bàn giao số liệu cho công ty cổ phần bao gồm:

Chuyển quỹ đầu tư phát triển

27.022.131.813

Chuyển quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

35.139.031.393

Chuyển vốn từ việc xử lý số dư công nợ tồn lâu

321.347.386

Cộng

62.482.510.592

(viii) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Loại trừ tài sản cố định hữu hình hình thành từ quỹ phúc lợi theo Biên Bản họp số 2848/BB-STC ngày 09 tháng 7 năm 2015 và Quyết định số 2077/QĐ-UBND của Ủy Ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ngày 23 tháng 7 năm 2015 với số tiền 272.242.857 VND.

(ix) Vốn góp chủ sở hữu

Các điều chỉnh bao gồm:

Ghi nhận lợi thế kinh doanh theo theo Quyết định số 2077/QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2015 của Ủy Ban nhân dân tỉnh Đồng Nai

11.791.237.592

Giảm giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình không cần dùng loại trừ khỏi giá trị doanh nghiệp

(404.193.178)

Giảm giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình chờ thanh lý loại trừ khỏi giá trị doanh nghiệp

(39.155.373)

Nộp vốn từ việc xử lý số dư công nợ tồn lâu theo Quyết định số 2077/QĐ-UBND của Ủy Ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ngày 23 tháng 7 năm 2015

(321.347.386)

Cộng

11.026.541.655

(x) Điều chỉnh các tài sản đánh giá lại theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp số 752/1/TĐG-CT ngày 08 tháng 5 năm 2015 của Công ty cổ phần thẩm định giá Đồng Nai sau khi được nhận Quyết định phê duyệt giá trị định giá lại giá trị doanh nghiệp số 2077/QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2015 của Ủy Ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (chi tiết xem tại thuyết minh V.18b).

(xi) Quỹ đầu tư phát triển

Các điều chỉnh bao gồm:

Trích nộp quỹ đầu tư phát triển về Công ty mẹ

27.022.131.813

Giảm quỹ đầu tư phát triển do giảm lợi nhuận sau thuế theo Quyết định số 188/QĐ-CT ngày 08 tháng 4 năm của Cục thuế tỉnh Đồng Nai

22.153.879

Cộng

27.044.285.692

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 10 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(xii) Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp

Các điều chỉnh bao gồm:

Trích nộp quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp về Công ty mẹ 35.139.031.393

Giảm quỹ quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp do giảm lợi nhuận sau thuế theo

Quyết định số 188/QĐ-CT ngày 08 tháng 4 năm của Cục thuế tỉnh Đồng Nai 51.692.383

Cộng **35.190.723.776**

2. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính. Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Giá trị ghi sổ			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	119.868.631.325	-	119.868.631.325	
Phải thu khách hàng	2.555.565.220	-	2.555.565.220	
Các khoản phải thu khác	27.296.732.160	-	27.296.732.160	-
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	20.000.000.000	-	20.000.000.000	(17.060.400)
Cộng	169.720.928.705	--	169.720.928.705	(17.060.400)

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG
VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA**

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 10 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Cộng
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	119.868.631.325	-	119.868.631.325
Phải thu khách hàng	2.482.607.458	72.957.762	2.555.565.220
Các khoản phải thu khác	27.089.700.192	189.299.996	27.279.000.188
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	20.000.000.000	-	20.000.000.000
Cộng	169.440.938.975	262.257.758	169.703.196.733
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	72.650.859.420	-	72.650.859.420
Phải thu khách hàng	12.390.653.117	1.219.396.294	13.610.049.411
Các khoản phải thu khác	346.069.812	-	346.069.812
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	20.020.000.000	-	20.020.000.000
Cộng	105.407.582.349	1.219.396.294	106.626.978.643

Chi tiết thời gian quá hạn của phải thu khách hàng và phải thu khác đã quá hạn nhưng không giảm giá như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Quá hạn dưới 06 tháng	262.257.758	1.219.396.294
Quá hạn trên 01 năm đến dưới 02 năm	-	-
Quá hạn trên 03 năm	-	-
Cộng	262.257.758	1.219.396.294

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Ban Giám đốc quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Cộng
Số cuối năm			
Vay và nợ	37.335.068.241	-	37.335.068.241
Phải trả người bán	28.125.156.836	-	28.125.156.836
Các khoản phải trả khác	44.464.831.827	-	44.464.831.827
Cộng	109.925.056.904	-	109.925.056.904
Số đầu năm			
Vay và nợ	26.602.899.440	15.118.356.164	41.721.255.604
Phải trả người bán	31.755.190.356	-	31.755.190.356
Các khoản phải trả khác	62.974.215.912	-	62.974.215.912
Cộng	121.332.305.708	15.118.356.164	136.450.661.872

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 10 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ban Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro lãi suất và rủi ro giá nguyên vật liệu.

Các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 10 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của lãi suất và giá nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay ngắn hạn và dài hạn có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất.

Các công cụ tài chính có lãi suất thị trường của Công ty chỉ có các khoản vay ngắn hạn và dài hạn. Số dư khoản vay có lãi suất thị trường tại ngày 31 tháng 10 năm 2015 là 35.745.184.257 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 24.759.894.314 VND).

Ban Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất thị trường đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do nợ vay thuần có giá trị nhỏ.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 10 năm 2015 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

7. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ngày 31 tháng 10 năm 2015, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3600275107 đăng ký thay đổi lần 08 về việc chuyển đổi từ Công ty TNHH một thành viên xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa thành Công ty cổ phần xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa với vốn điều lệ là 450.000.000.000 VND. Công ty chính thức chuyển sang công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 11 năm 2015.

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG
VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA**

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

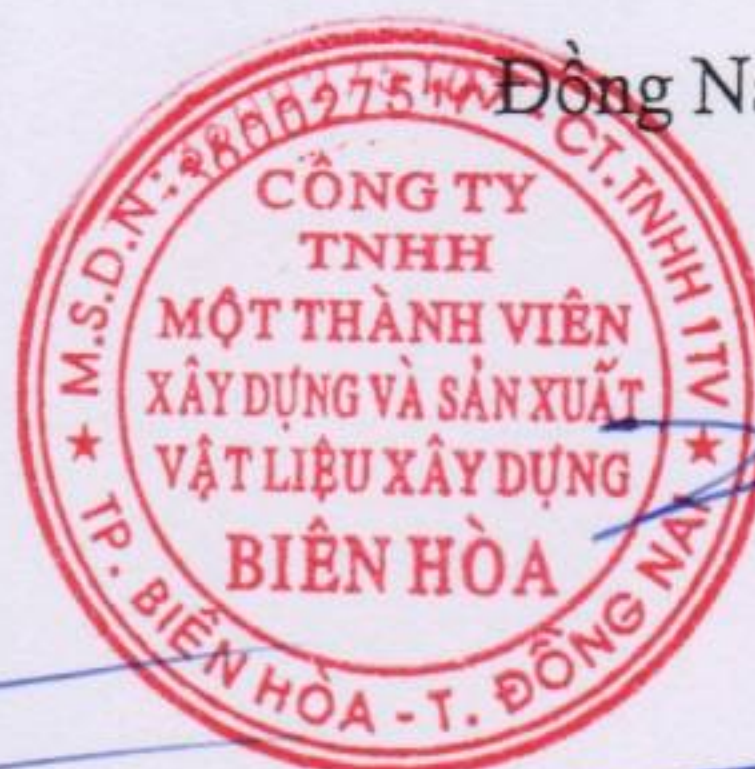
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 10 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty đang tiến hành các thủ tục pháp lý để thực hiện chuyển nhượng mỏ đá Đồi Chùa 1 với số tiền 49.124.700.000 VND theo văn bản đề nghị của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng thương mại dịch vụ xuất nhập khẩu Trường Trường Phát JP ngày 16 tháng 9 năm 2015.

Đồng Nai, ngày 01 tháng 12 năm 2015



Am

ka

Đoàn Đặng Quỳnh Anh
Người lập biểu

Phạm Quốc Thái
Q. Kế toán trưởng

Huỳnh Kim Vũ
Giám đốc

